

# Tổng quan

**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI KHU VỰC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

**ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI: NHÂN KHẨU HỌC THAY ĐỔI CÓ THỂ LÀ ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?**

## **NHÓM BÁO CÁO PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI KHU VỰC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

**ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI: NHÂN KHẨU HỌC THAY ĐỔI CÓ THỂ LÀ ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?**

### **Trưởng ban và Chủ biên**

Thangavel Palanivel

### **Nhóm dự án**

Tasneem Mirza

Bishwa Nath Tiwari

Scott Standley

Abha Nigam

### **Biên tập viên**

Gretchen Luchsinger

# LỜI TỰA

Chúng ta đang sống trong thời đại đầy bất ổn và nhiều thay đổi lớn lao. Cũng như bất cứ nơi nào khác trên thế giới, điều này rất dễ nhận thấy ở khu vực Châu Á-Thái Bình dương, ngôi nhà của một nửa nhân loại. Chỉ riêng số lượng lựa chọn phát triển trong khu vực rộng lớn này sẽ có ảnh hưởng tới tương lai của mọi người khắp nơi trên thế giới.

Trong năm 2015, các quốc gia châu Á-Thái Bình dương đã hoà vào đồng thuận quốc tế về tầm nhìn tham vọng với mục tiêu tạo khuôn khổ và dẫn dắt những lựa chọn đó. Chương trình Nghị sự 2030 và mười bảy Mục tiêu Phát triển Bền vững cùng các thỏa thuận quốc tế lớn trong năm 2015 về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, tài trợ cho phát triển và biến đổi khí hậu có ý nghĩa sâu sắc với toàn xã hội. Kết hợp lại, các chương trình nghị sự đó thể hiện một cam kết chung với mục tiêu phát triển bền vững, toàn diện và bền bỉ. Thúc đẩy chương trình nghị sự này sẽ tạo cơ hội cho các cộng đồng phát triển, cải thiện quản lý tài nguyên nhằm mang lại lợi ích cho người dân bây giờ và các thế hệ tương lai.

Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương với nền kinh tế năng động và nguồn nhân lực rộng lớn đang ở vị trí thích hợp nhằm hiện thực hoá tầm nhìn của Chương trình Nghị sự 2030 và đi tiên phong trong quá trình chuyển đổi theo yêu cầu triển khai Chương trình Nghị sự. Các quốc gia đã và đang cải thiện chất lượng cuộc sống con người, đặc biệt ở những nơi có cơ cấu dân số với lợi thế nổi trội – cụ thể là có tỷ trọng dân số phụ thuộc già và trẻ em thấp và tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động cao góp phần tạo động lực cho phát triển.

Thời kỳ này sẽ không kéo dài mãi mãi và việc tận dụng tối đa cho phát triển đòi hỏi cần các chính sách và đầu tư thông minh. Tiến bộ to lớn nhất phải xuất phát từ việc công nhận rằng phát triển con người – tức là mọi người đều được tiếp cận giáo dục, y tế, và thu nhập thỏa đáng – sẽ tạo ra quá trình chuyển đổi nhân khẩu học hướng tới lợi tức nhân khẩu học. Lợi tức này, nếu được sử dụng thông minh, có thể đẩy nhanh tiến độ phát triển con người và chuẩn bị cho thời kỳ già hóa dân số vốn không thể tránh khỏi.

Báo cáo *Phát triển Con người Châu Á – Thái Bình Dương* tạo ra đột phá mới trong cách liên kết nhân khẩu học với phát triển con người. Báo cáo cho thấy các thời kỳ chuyển đổi nhân khẩu học không chỉ mang lại nhiều cơ hội quan trọng mà còn cả những thách thức lớn. Các quốc gia bỏ qua cả hai khả năng này sẽ gặp nhiều rủi ro, bỏ lỡ nhiều lợi ích tiềm năng lớn về an sinh con người và sự thịnh vượng của nền kinh tế. Báo cáo nhấn mạnh rằng các nhà hoạch định chính sách cần hiểu được ý nghĩa của quá trình chuyển đổi nhân khẩu học, và cần có khả năng lồng ghép các phản ứng chính sách phù hợp vào tất cả các khía cạnh của kế hoạch phát triển cấp quốc gia.

Báo cáo này diễn ra vào thời điểm quan trọng đối với Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). UNDP vừa kỷ niệm sinh nhật lần thứ 50, và đầy tự tin hướng về về tương lai của tổ chức. Báo cáo *Phát triển Con người Châu Á – Thái Bình Dương*, với nhiều kiến thức và số liệu, là một trong những đóng góp mới nhất của chúng tôi cho tư duy lãnh đạo về phát triển. Tôi tin rằng báo cáo này sẽ hỗ trợ công việc của các nhà hoạch định chính sách và ra quyết định trên toàn khu vực nhằm thúc đẩy tiến bộ phát triển con người.

**Helen Clark**

**Giám đốc**

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

# LỜI NÓI ĐẦU

Báo cáo *Phát triển Con người khu vực Châu Á-Thái Bình Dương* xuất bản đúng lúc khu vực và thế giới đang ở thời khắc quan trọng. Điều này thể hiện rõ ràng nhất trong *Chương trình Nghị sự 2030* với *17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (MTPTBV)*, được 193 thành viên của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua vào cuối năm 2015. Báo cáo đề xuất đổi mới tư duy căn bản về phát triển, coi đây là quá trình phổ quát, có vai trò chuyển đổi để không ai bị bỏ lại phía sau.

Chương trình Nghị sự này làm lu mờ ranh giới truyền thống giữa các nước phát triển và đang phát triển, phù hợp với những chuyển biến sâu sắc đang diễn ra ở mọi khu vực. Chương trình nhận định rằng chưa một quốc gia nào đạt phát triển bền vững một cách đầy đủ. Chương trình nhằm vào các rào cản mang tính hệ thống như bất bình đẳng, cơ cấu tiêu dùng và sản xuất không bền vững, cơ sở hạ tầng thiếu hụt và tình trạng thiếu việc làm thoả đáng.

Đó là những vấn đề lớn, và chúng ta cần những giải pháp không kém phần kiên quyết. Chúng ta phải suy nghĩ về lâu dài cho mọi khía cạnh cốt lõi về kinh tế, xã hội và môi trường. Cách làm thường lệ như cũ không còn phù hợp nữa.

Quốc gia nào cũng cần một nền kinh tế có khả năng tạo đủ việc làm thoả đáng. Tất cả các xã hội và hệ thống chính trị phải mang tính bao trùm và gắn kết. Chúng ta đều cần môi trường lành mạnh để duy trì cuộc sống cho bản thân chúng ta và thế hệ tương lai. Chúng ta cần hòa bình. Theo đuổi phát triển bền vững bên trong và xuyên biên giới, công nhận sự liên kết ngày càng lớn của chúng ta sẽ đưa tất cả mọi người tới những mục tiêu phát triển đó.

Châu Á-Thái Bình Dương là khu vực có những thành tựu phát triển nổi bật, nhưng cũng dễ cho rằng các thành tựu đó là phép màu “kinh tế” chứ không hẳn là phép màu “phát triển con người”. Còn rất nhiều người đang bị bỏ lại phía sau hoặc bị gạt ra bên lề quá trình đó. Tuy chỉ còn bốn trong số 42 quốc gia trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương được xếp vào các quốc gia có thu nhập thấp nhưng vẫn có 450 triệu người nghèo sinh sống tại các quốc gia được xếp loại thu nhập trung bình.

Bởi vậy chúng ta còn nhiều việc phải làm. Cũng như suốt 5 thập niên qua, UNDP sẽ tiếp tục song hành để tạo thay đổi. Những thành tựu UNDP đã và sẽ đạt được là nhờ quan hệ đối tác và sự quan tâm tới các ưu tiên ở những nước chúng tôi hiện diện. UNDP có kinh nghiệm lâu dài trong việc hỗ trợ phát triển năng lực thể chế, và chúng tôi sẵn sàng hỗ trợ các quá trình hoạch định chính sách phức tạp cần có nhằm đưa các MTPTBV vào trọng tâm phát triển quốc gia.

Báo cáo *Phát triển Con người khu vực Châu Á-Thái Bình Dương* đề xuất hình thức lãnh đạo tư duy vô cùng cần thiết. Báo cáo nhấn mạnh khu vực Châu Á-Thái Bình Dương đang có cơ cấu nhân khẩu học thuận lợi, tạo cơ hội có một không hai nhằm tăng tốc phát triển con người và thúc đẩy tiến bộ trong các MTPTBV. Nhằm tạo xúc tác cho thảo luận về giải pháp, báo cáo kêu gọi các nhà lãnh đạo trong toàn khu vực đổi mới trong vai trò dẫn dắt toàn khu vực đến với những gì thuộc về nó: mở đường đến một tương lai tốt đẹp hơn.

Haoliang Xu

**Trợ lý Tổng thư ký LHQ và Giám đốc UNDP khu vực Châu Á-Thái Bình Dương**

## LỜI CẢM ƠN

*Báo cáo Phát triển Con người khu vực Châu Á-Thái Bình Dương* là ấn phẩm chủ đạo của Văn phòng UNDP Châu Á-Thái Bình Dương. Những phát hiện, phân tích và khuyến nghị chính sách của báo cáo này thuộc về Văn phòng và không nhất thiết phản ánh quan điểm của UNDP hay Ban Điều hành UNDP. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã chính thức công nhận Báo cáo Phát triển Con người là “sản phẩm trí tuệ độc lập” và là “công cụ quan trọng để nâng cao nhận thức về phát triển con người trên toàn thế giới.”

Ấn bản lần này của báo cáo với tên gọi *Định hình Tương lai: Nhân khẩu học thay đổi có thể là động lực cho phát triển con người như thế nào?* phát huy đóng góp của nhiều người. Báo cáo do các cán bộ UNDP nghiên cứu và viết dưới sự hướng dẫn của ông Thangavel Palanivel. Bà Tasneem Mia, một thành viên cốt lõi của nhóm dự án, đã hỗ trợ nhiệt tình và bền bỉ trong suốt quá trình thực hiện. Các thành viên nhóm dự án chịu trách nhiệm từng khâu khác nhau trong quá trình thực hiện báo cáo: ông Bishwa Tiwari hướng dẫn chuẩn bị Chương 4; ông Scott Standley hướng dẫn chuẩn bị Chương 5; và bà Abha Nigam cung cấp hỗ trợ chương trình và nghiên cứu.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn bà Gretchen Luchsinger vì công tác biên tập chuyên nghiệp chất lượng cao và giúp báo cáo dễ đọc hơn; ông Ramesh Gampat, người chia sẻ chuyên môn từ các *Báo cáo Phát triển Con người Châu Á-Thái Bình Dương* trước đây và đã có nhiều đóng góp và tư vấn kỹ thuật quan trọng; và bà Cristina Ottolini, người đã tạo nên các thiết kế đồ họa hấp dẫn. Chúng tôi gửi lời cảm ơn tới các thực tập sinh Gard Heggelund, Arianna Fishman và Coralie Martin vì đã hỗ trợ kiểm tra và cập nhật số liệu, biên soạn tài liệu tham khảo và hiệu đính.

Báo cáo hưởng lợi từ các tài liệu cơ sở kỹ thuật với sự đóng góp của ông S. Mahendra Dev, Giám đốc Viện Nghiên cứu Phát triển Indira Gandhi tại Mumbai; ông Cai Fang, Giám đốc Viện Nghiên cứu Dân số tại Học viện Khoa học Xã hội ở Bắc Kinh; ông Andrew Mason, Giáo sư Kinh tế học tại Đại học Hawaii - thành viên cao cấp tại Trung tâm Đông Tây; ông Wangdi Norbu, cựu Bộ trưởng Tài chính, Chính phủ Hoàng gia Bhutan; ông Feng Wang, Giám đốc Trung tâm Brookings-Thanh Hoa và là Giáo sư tại Đại học California và tại Đại học Fudan ở Thượng Hải; và bà Belinda Yuen, Nghiên cứu viên Cấp cao tại Trung tâm Đổi mới Đô thị Lý Quang Diệu tại Singapore.

Báo cáo nhận được phản hồi và nhiều lời khuyên quý báu từ hội đồng tư vấn kỹ thuật của báo cáo gồm đại diện các cơ quan khác của LHQ, cụ thể là Tổ chức Nông Lương (FAO), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM), Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á-Thái Bình Dương của LHQ (UNESCAP), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá LHQ (UNESCO), Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), Chương trình Định cư Con người LHQ (UN-Habitat), Quỹ Dân số LHQ (UNFPA), và Cơ quan Phụ nữ LHQ (UN Women).

Nhiều tiếp xúc ý nghĩa và hiệu quả đã được thực hiện với các cơ quan chính phủ, giới hàn lâm, truyền thông, khu vực tư nhân, xã hội dân sự, các tổ chức nghiên cứu (*think tanks*) và các cơ quan Liên hợp quốc trong hai đợt tham vấn tiểu vùng đầu tiên ở Bangkok và Delhi. Chúng tôi xin cảm ơn tất cả vì đã góp phần gọt giũa bản tóm tắt ý tưởng và đề cương của báo cáo. Chúng tôi cũng biết ơn nhiều chuyên gia của UNDP, UNESCAP và một số tổ chức phi chính phủ: Moneer Alam, Peter de Souza, S. Mahendra Dev, Nagesh Kumar, Christophe Lefranc, Pitamber Sharma, Srinivas Tata và Anders Thomsen. Rohini Kohli và Elena Borsatti đã hỗ trợ nhiệt tình trong việc tổ chức các cuộc họp.

Về các bình luận toàn diện trong bản thảo cuối cùng của báo cáo, chúng tôi biết ơn góp ý của các đồng nghiệp ở các văn phòng khu vực của LHQ tại Bangkok, cụ thể là ILO, IOM, UNESCAP, UNESCO, UNFPA và UN-Habitat. Ở các giai đoạn khác nhau của báo cáo, chúng tôi cũng tiếp thu góp ý và gợi ý từ các đồng nghiệp từ Văn phòng Báo cáo Phát triển Con người UNDP nói chung và của Selim Jahan, Jonathan Hall, Shantanu Mukherjee và Tanni Mukhopadhyay nói riêng. Chúng tôi biết ơn phản hồi của các đồng nghiệp ở UNDP – nhiều người đến mức chúng tôi không thể kể hết ở đây, từ Văn phòng Trợ giúp Chương trình và Chính sách ở New York, Nhóm Hỗ trợ Chương trình và Chính sách Khu vực ở Văn phòng Khu vực Bangkok, Văn phòng Khu vực Châu Phi, Văn phòng Khu vực ở Istanbul, Văn phòng Khu vực ở Jordan, Trung tâm Phát triển Con người Quốc tế ở Delhi và UNDP Nepal. Xin đặc biệt cảm ơn Nhóm Hỗ trợ và Bảo đảm Chất lượng Văn phòng Quốc gia tại Văn phòng Khu vực ở Bangkok cũng như đóng góp đầu vào từ các văn phòng quốc gia ở Châu Á-Thái Bình Dương. Nhiều văn phòng quốc gia cũng đã đóng góp nhiều góp ý thiết thực như Bangladesh, Cambodia, China, Malaysia, Nepal, Pakistan, Papua New Guinea,

Philippines, Timor-Leste và Sri Lanka.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Ajay Chhibber, nguyên Giám đốc Văn phòng UNDP Châu Á-Thái Bình Dương vì đã truyền cảm hứng và hướng dẫn chúng tôi. Chúng tôi cũng biết ơn các đồng nghiệp UNDP cũ Anuradha Rajivan vì đã chia sẻ kinh nghiệm và Rajeswary Iruthayanathan vì hỗ trợ hiệu đính.

Về truyền tải những thông điệp chính của báo cáo, chúng tôi cảm ơn các cố vấn truyền thông và tiếp cận của UNDP, bao gồm Stanislav Saling ở New York và Cedric Monteiro ở Bangkok cùng nhiều cán bộ truyền thông ở các văn phòng quốc gia UNDP. Chúng tôi cảm ơn Vinita Aggarwal ở UNDP Ấn Độ vì đã chuẩn bị phiên bản báo cáo cho website.

Trung tâm Khu vực UNDP ở Bangkok, Trung tâm Phát triển Con người Quốc tế và văn phòng quốc gia UNDP ở Châu Á-Thái Bình Dương đã hỗ trợ hậu cần trong việc tổ chức các cuộc tham vấn các bên ở mỗi tiểu vùng. UNDP Bangladesh trợ giúp việc in ấn và công bố báo cáo ở Dhaka. Thành viên Đơn vị Quy hoạch và Giám sát Chiến lược của Văn phòng khu vực Châu Á-Thái Bình Dương ở New York, nhất là Silvia Morimoto, Samar Sinha, Irene Ilevbare và Sha Guo, đã hỗ trợ hành chính và cung cấp dịch vụ quản lý trong suốt quá trình chuẩn bị báo cáo.

Cuối cùng, tôi muốn cảm ơn Ông Haoliang Xu, Giám đốc, và Ông Nicholas Rosellini, Phó Giám đốc Văn phòng UNDP khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vì đã dẫn dắt và hỗ trợ trong suốt giai đoạn chuẩn bị báo cáo.

## **Thangavel Palanivel**

### **Chủ biên, Cố vấn Cấp cao về Chiến lược và cố vấn trưởng về Kinh tế**

Văn phòng UNDP Châu Á-Thái Bình Dương

# Mục lục

Lời tựa

Lời nói đầu

Lời cảm ơn

## TỔNG QUAN

### CHƯƠNG 1

Nhân khẩu học thay đổi có thể làm động lực cho phát triển con người như thế nào

Phát triển con người cải thiện nhanh nhưng không đều ở Châu Á-Thái Bình Dương

Khu vực đông dân nhất thế giới: Chuyển đổi lớn lao đang xảy ra

Động lực của dân số thay đổi

Chuyển đổi nhân khẩu học vận hành ra sao

Lợi tức nhân khẩu học bao nhiêu?

Thay đổi mang tính lịch sử, thời gian hạn hẹp

### CHƯƠNG 2

Nhiều người làm việc hơn: Nền tảng cải thiện an sinh

Số lượng người lao động cao kỷ lục

Nhìn lại nhân khẩu học cho phát triển con người: Bốn hướng đi

Học gì từ Trung Quốc, Nhật Bản và Thái Lan?

Tận dụng tối đa cơ hội nhân khẩu học

Cánh cửa nhân khẩu học sắp tới

### CHƯƠNG 3

Nuôi dưỡng trẻ em, Khai phá tiềm năng của thanh niên

Ngôi nhà của hơn một nửa trẻ em và thanh niên toàn thế giới

Giáo dục là con đường đến tương lai

Những năm đầu đời khoẻ mạnh tác động cả cuộc đời

Chuyển đổi sang tuổi trưởng thành phụ thuộc việc làm đàng hoàng

Sự tham gia của thanh niên: Quyền và Lợi ích

Khai phá tiềm năng của thế hệ tiếp theo

Khởi động đúng đắn trong cuộc đời

### CHƯƠNG 4

Các xã hội già hoá: Cơ hội Phát triển Mới

Kỷ nguyên già hoá nhanh

Các xã hội già đang gặp nhiều thách thức và có thể phát huy thế mạnh

Duy trì Phát triển Con người xuyên suốt vòng đời

Không ngại già hoá

### CHƯƠNG 5

Tận dụng sự năng động của con người ở đô thị

Một khu vực đang đô thị hoá

Bắt kịp bùng nổ đô thị: Tiềm năng và trở ngại

Hiện thực hoá đầy đủ hứa hẹn từ đô thị hoá

Tương lai của khu vực tùy thuộc vào đô thị

## CHƯƠNG 6

Một Chương trình Nghị sự cho Hành động: Định hình Tương lai

Một số nguyên tắc chung cho mọi quốc gia

Tận dụng tối đa cơ hội nhân khẩu học

Khai phá tiềm năng của thế hệ tiếp theo

Duy trì phát triển con người suốt vòng đời

Giữ đà phát triển



# TỔNG QUAN

## ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI: NHÂN KHẨU HỌC THAY ĐỔI CÓ THỂ LÀ ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Con người là tài sản thực sự của quốc gia. Những cơ hội họ có và lựa chọn họ đưa ra sẽ xác định quá trình phát triển con người; và hơn đâu hết, điều này vô cùng rõ ràng ở Châu Á-Thái Bình Dương, ngôi nhà của một nửa dân số thế giới. Tương lai của Châu Á-Thái Bình Dương về nhiều mặt sẽ định hình tương lai của thế giới.

Tuy thế, “vận mệnh nhân khẩu học” này không dẫn đến những kết quả cố định. Ngoài quy mô dân số lớn, Châu Á-Thái Bình Dương cũng đang ở giữa những chuyển đổi nhân khẩu học có một không hai. Mọi quốc gia, ở một giai đoạn nào đó, đều gặp một loạt những thay đổi trong cấu thành số dân trẻ, già và trong độ tuổi lao động. Quá trình này vừa phát huy thành tựu phát triển con người, vừa thúc đẩy các thành tựu ấy. Để tận dụng điều này, cần có dân số khoẻ mạnh, có giáo dục, năng suất cao, và được hưởng an sinh ở bất cứ giai đoạn nào trong cuộc sống.

Báo cáo Phát triển Con người Châu Á-Thái Bình Dương này xem xét các thách thức và cơ hội từ thay đổi nhân khẩu học trên quan điểm phát triển con người. Nó đánh giá “cơ hội nhân khẩu học” tất yếu khi có số lượng lớn người làm việc, tiết kiệm và nộp thuế trong khi số lượng người già và trẻ phụ thuộc thấp hơn. Tính riêng về kinh tế, cái gọi là “lợi tức nhân khẩu học” của khu vực khá lớn và tuy mỗi tiểu vùng một khác nhưng nhìn chung chiếm lần lượt 42% và 39% tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 1970-2010 ở các nước Châu Á-Thái Bình Dương phát triển và đang phát triển. Trong nhiều trường hợp, các thành quả này đi kèm những tiến bộ vượt bậc về phát triển con người.

Việc tận dụng thay đổi nhân khẩu học phần lớn phụ thuộc vào sự năng động của các quốc gia trong việc chèo lái quá trình này trên nhiều phương diện, trong đó có thị trường lao động, tăng trưởng kinh tế, tiết kiệm và đầu tư, giáo dục, y tế và dinh dưỡng, bảo trợ xã hội, di cư, cung cấp dịch vụ công và tốc độ đô thị hoá. Những nước không quy hoạch trước sẽ chịu thiệt thòi vì đầu tư thiếu hụt vào giáo dục cản bước tăng trưởng của nền kinh tế vì người dân không được trang bị đầy đủ cho thị trường lao động. Bỏ phí cơ hội nhân khẩu học sẽ dẫn đến thất thoát về phát triển con người, chẳng hạn như bỏ qua đầu tư các nguồn lực mới vào lương hưu để người già có thể sống đàng hoàng.

Ngày nay, Châu Á-Thái Bình Dương có những nước với số dân trẻ nhất và già nhất thế giới. Nhưng hầu hết các quốc gia đã bước vào hoặc chuẩn bị gia nhập giai đoạn khi mà số người trong độ tuổi lao động chiếm phần lớn trong dân số. Điều này khiến cả khu vực đứng trước bước ngoặt quan trọng để gạt hái lợi tức nhân khẩu học và thúc đẩy phát triển con người, mặc dù giai đoạn này sẽ không kéo dài. Chuyển đổi nhân khẩu học ở Châu Á-Thái Bình Dương không chỉ liên quan đến rất nhiều người mà còn diễn ra với tốc độ nhanh hơn bất cứ nơi nào khác và sẽ có ảnh hưởng đặc biệt đến những xã hội già hoá trước khi trở nên giàu có.

Những tác động này càng trở nên cấp bách khi nhìn vào Chương trình Nghị sự 2030 mới được thông qua gần đây, trong đó vạch ra tầm nhìn toàn cầu đầy tham vọng đối với phát triển bền vững mà mỗi quốc gia cần đưa vào hành động thực tiễn. Để hoàn thành 17 MTPTBV của Chương trình Nghị sự, các quốc gia sẽ phải vận dụng mọi nguồn lực sẵn có, cân nhắc hỗn hợp đầu tư công sao cho mang tính chiến lược nhất, và khai thác mọi cơ hội có thể, kể cả những cơ hội do chuyển đổi nhân khẩu học mang lại. Các mục tiêu này phản ánh tích lũy tư duy có từ năm 1994 tại Hội nghị Dân số và Phát triển Quốc tế. Tư duy này nhấn mạnh sự giao thoa giữa dân số và phát triển con người cũng như tiềm năng giải phóng tiến bộ nhờ để cao quyền con người, phát triển năng lực con người và bảo đảm nhân phẩm suốt đời người.

Nhìn chung báo cáo này được sắp xếp theo các giai đoạn chuyển đổi nhân khẩu học khác nhau: giai đoạn giữa khi có nhiều người trong độ tuổi lao động; giai đoạn đầu, khi các xã hội còn rất trẻ; và giai đoạn cuối với dân số già hoá. Một số nước Châu Á-Thái Bình Dương sẽ phải cân nhắc cùng lúc ba giai đoạn này vì dân số của họ đều phản ánh tất cả những chuyển đổi đó. Con đường phía trước của mỗi nước sẽ khác nhau, nhưng dựa vào phát hiện của báo cáo này, tất cả đều cần áp dụng một số ưu tiên sau:

### **Mọi quốc gia đều cần đưa thay đổi nhân khẩu học vào nhiều lĩnh vực chính sách công khác nhau.**

Để tận dụng cơ hội từ đặc điểm nhân khẩu học và tăng tốc phát triển con người, các cân nhắc liên quan đến nhân khẩu học cần được lồng ghép vào các chương trình và chiến lược phát triển chủ chốt của quốc gia. Chúng cần được đưa vào các chính sách liên quan đến quản lý kinh tế, giáo dục, y tế, bình đẳng giới, già hoá và đô thị hoá, v.v... Việc này cũng sẽ phù hợp với Chương trình Nghị sự 2030 khi các quốc gia cam kết đưa tình hình nhân khẩu học vào các chương trình và chiến lược phát triển quốc gia của mình.

**Tăng đầu tư vào năng lực con người.** Những khoản đầu tư này cần được quy hoạch thận trọng cho từng giai đoạn chuyển đổi nhân khẩu học nhằm khởi động chuyển đổi, tận dụng tối đa lợi tức, và duy trì đà phát triển con người khi xã hội già đi. Có thể quyết định các ưu tiên dựa vào nguyên tắc cân bằng và công bằng giữa các thế hệ, và cần tập trung vào cải thiện giáo dục, y tế và các năng lực khác cho những người dễ bị tổn thương nhất và đang bị gạt ra bên lề. Mục đích bao quát là dẫn dắt phổ cập các dịch vụ thiết yếu cho an sinh của con người.

**Việc làm thoả đáng và năng suất là nền tảng của an sinh.** Theo Báo cáo Phát triển Con người toàn cầu 2015, việc làm thoả đáng và năng suất là động lực nền tảng cho phát triển con người và mọi người phải được tiếp cận với việc làm như vậy. Mặc dù bình quân mỗi năm trong thập niên qua, Châu Á-Thái Bình Dương có thêm 20 triệu việc làm nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng việc làm cho số dân trong độ tuổi lao động đang phình ra. Tạo thêm cơ hội việc làm đòi hỏi phải có các chiến lược như đặt mục tiêu việc làm, lập kế hoạch phát triển dựa vào việc làm, xây dựng khuôn khổ kinh tế vĩ mô thuận lợi, cải tiến quy định bảo vệ quyền người lao động và an toàn lao động, và thúc đẩy các lĩnh vực thâm dụng lao động. Các hành động cụ thể cần vươn đến những nhóm bị gạt ra bên lề để từng bước hiện thực hoá lời hứa không bỏ ai lại phía sau mà Chương trình Nghị sự 2030 đề ra.

**Nếu không phát huy đầy đủ sức mạnh và tiềm năng của phụ nữ, lợi tức nhân khẩu học cũng lắm chi đạt được mức thấp.** Hồ sơ nghèo nàn nói chung của khu vực trong bình đẳng giới là mất mát về mặt đáp ứng tiêu chuẩn nhân quyền đã được quốc tế đồng thuận và đồng thời là cản trở nghiêm trọng đối với việc tận dụng chuyển đổi nhân khẩu học và thúc đẩy phát triển con người. Bình đẳng giới phải được coi là ưu tiên chính sách tức thời, và đóng vai trò trọng tâm đối với phụ nữ, xã hội và kinh tế nói chung. Việc hoàn thành MTPTBV thứ 4 về bình đẳng giới là ưu tiên hàng đầu trong mọi mặt, từ lãnh đạo chính trị, tham gia vào kinh tế, giáo dục, phân bổ nguồn lực công cho đến ngăn ngừa bạo lực giới hay bất cứ lĩnh vực nào của đời sống.

**Khi khu vực của chúng ta tăng cường trao đổi về các thay đổi nhân khẩu học, chúng ta sẽ nhận thấy nhiều vấn đề mang tính xuyên biên giới.** Một trong các ưu tiên là san bằng khác biệt về di cư vì các xã hội già hoá có thể thiếu lao động trong khi những nước ở giai đoạn chuyển đổi ban đầu lại thừa lao động. Một cách khác là hội nhập tài chính. Dân số già có tiết kiệm có thể dùng để đầu tư, còn các số dân trẻ hơn lại cần thu hút vốn vì họ có quỹ lao động lớn và cần tăng năng suất.

**Dữ liệu nhiều hơn và tốt hơn để đánh giá và quản lý thay đổi nhân khẩu học.** Cần xây dựng dữ liệu chất lượng cao để giám sát hồ sơ nhân khẩu học nói chung cũng như tác động của các biện pháp chính sách công hướng vào thanh niên, người lao động, người già và người di cư, cùng các vấn đề liên quan khác như đô thị hoá. Cần thêm nhiều dữ liệu và nghiên cứu về các thách thức sắp tới vì công nghệ và tình trạng dịch tễ học có nhiều thay đổi. Điều này cũng nhất quán với – và có thể phát huy – cuộc cách mạng dữ liệu mà các MTPTBV kêu gọi.

## **PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở CHÂU Á-THÁI BÌNH DƯƠNG: THÀNH QUẢ NHANH NHƯNG KHÔNG ĐỒNG ĐỀU**

Phát triển con người – thể hiện qua thành tựu về thu nhập, giáo dục và y tế – là nguồn gốc và xúc tác cho cơ hội nhân khẩu học. Ở mọi khu vực trên thế giới, phát triển con người được cải thiện rõ ràng. Tính trên toàn cầu từ năm 1990 đến 2014, hơn 2 tỷ người vượt qua mức phát triển con người thấp, và hơn một tỷ người thoát nghèo cùng cực. Phần lớn trong số đó sống ở Châu Á-Thái Bình Dương.

Trong số các khu vực đang phát triển trong vòng 25 năm qua, Nam Á có tiến bộ phát triển con người nhanh nhất, sau đó là Đông Á và Thái Bình Dương. Các tiểu vùng này có tỷ lệ tăng Chỉ số Phát triển Con

người (HDI) bình quân hàng năm lần lượt là 1,4% và 1,3%; trong khi mức tăng toàn cầu là 0,7%/năm. Tuy tiến bộ ấn tượng như vậy nhưng cả hai tiểu vùng vẫn tụt hậu so với Mỹ Latin và Caribe, châu Âu và Trung Á về phát triển con người. Nam Á cũng xếp sau các Quốc gia Ả rập.

Trong số 36 nước và vùng lãnh thổ Châu Á-Thái Bình Dương có dữ liệu, 18 nước xếp thứ hạng HDI cao và rất cao, 12 nước có số điểm trung bình và 6 nước có thứ hạng thấp. Trong những thập niên gần đây, nhiều nước kém phát triển nhất ở Châu Á-Thái Bình Dương như Afghanistan, Bangladesh, Campuchia, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Myanmar và Nepal đã đạt tiến bộ nhanh nhất tuy rằng xuất phát điểm của họ khá thấp.

Từ 2009-2014, 20 nước Châu Á-Thái Bình Dương có cải thiện về phát triển con người so với các nước khác, trong khi 9 nước tụt hậu và 6 nước không có cải thiện gì. Mặc dù đạt tiến bộ ấn tượng, 19 nước Châu Á-Thái Bình Dương vẫn xếp hạng thấp hơn mức bình quân HDI toàn cầu, cho thấy tuy khu vực này có thể đã tạo “thần kỳ kinh tế” nhưng vẫn chưa đạt được “thần kỳ phát triển con người” và bỏ phí tiềm năng từ chuyển đổi nhân khẩu học.

## **KHU VỰC ĐÔNG DÂN NHẤT THẾ GIỚI: CHUYỂN ĐỔI LỚN LAO ĐANG XẢY RA**

Quy mô dân số của Châu Á-Thái Bình Dương tăng gấp ba trong vòng 65 năm qua và dự kiến sẽ đạt 4,84 tỷ người vào năm 2050. Khu vực này có 6 trong tổng số 10 quốc gia đông nhất thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Pakistan, Bangladesh và Nhật Bản. Trong đó chỉ riêng ba nước đầu đã chiếm đến 40% tổng dân số toàn cầu. Khu vực này cũng có những nước ít dân nhất thế giới như Tokelau với 1.250 người hay Niue với 1.610 người.

Châu Á-Thái Bình Dương vẫn được coi là “khu vực bùng nổ nhân khẩu học” mặc dù tỷ lệ tăng dân số cao trước đây nay đã chậm lại đáng kể. Trong tương lai, hơn ba phần tư dân số tăng thêm sẽ diễn ra ở Nam Á, trong khi ở Đông Nam Á, dân số có thể sẽ không thay đổi nhiều hoặc thậm chí là giảm đi.

Những thay đổi lớn nhất vẫn còn chưa diễn ra và có thể rơi vào giai đoạn 2015-2050. Đến năm 2050, trong cả khu vực, tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi sẽ chỉ còn nửa so với 1950, còn tỷ trọng người từ 60 tuổi trở lên sẽ gấp hơn ba lần so với khi đó. Cấu thành lớn nhất trong dân số sẽ tập trung ở tuổi lao động mặc dù tỷ trọng này sẽ nhỏ dần.

Tốc độ và quy mô thay đổi nhân khẩu học như vậy có một số đặc thù. Ví dụ, tốc độ già hoá ở Châu Á-Thái Bình Dương nhanh hơn nhiều so với tất cả các khu vực khác trừ Mỹ Latin và Caribe. Ở phương Tây, quá trình này diễn ra trong một thế kỷ; ở Châu Á-Thái Bình Dương, quá trình này chỉ vón vện trong ba-bốn thập niên, và ở một số nước chỉ khoảng 20 năm. Khu vực này hiện đang có nhiều người trên 60 tuổi nhất thế giới –khoảng 489 triệu người. Đến năm 2050, già hoá dân số sẽ diễn ra ở nhiều nước hiện đang có dân số trẻ.

Một dịch chuyển nhân khẩu học rõ rệt khác là đô thị hoá. Trong 30 năm qua, Châu Á-Thái Bình Dương có thêm một tỷ người sinh sống ở đô thị - nhiều hơn tất cả các khu vực khác cộng lại, và trong 30 năm tới sẽ có thêm một tỷ nữa. Trong khi Mỹ Latin và Caribe mất 210 năm và châu Âu mất 150 năm để chuyển dịch đa số dân cư sang đô thị, những nước như Trung Quốc, Bhutan, Indonesia và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chỉ mất khoảng 60 năm và cả Châu Á-Thái Bình Dương mất 95 năm.

Các nước Châu Á-Thái Bình Dương tiến triển rất khác nhau về chuyển đổi nhân khẩu học. Các nước được coi là ở giai đoạn sau nếu đạt tỷ trọng tối đa người trong độ tuổi lao động, và ở mức giữa nếu tỷ trọng này vẫn còn tiếp tục tăng nhưng đã vượt quá một nửa mức tăng kỳ vọng vào năm 2015. Các nước đang ở ngưỡng bắt đầu chuyển đổi nếu tỷ trọng này đến năm 2060 vẫn chưa đạt đỉnh. Hầu hết các nước có thu nhập cao và một số nước thu nhập trung bình cao ở Châu Á-Thái Bình Dương đã ở giai đoạn cuối trong khi một số nước có thu nhập thấp và thu nhập trung bình thấp mới đang ở giai đoạn ban đầu (Hình 2).

Các nước chuyển đổi nhân khẩu học đi trước chủ yếu nằm ở tiểu vùng Đông Á và Đông Nam Á. Nhiều nước đã, hoặc sẽ, trải qua tụt giảm đáng kể số dân trong độ tuổi lao động và tổng số dân nói chung, và sẽ nhanh chóng già hoá trong vài thập niên tới. Ở Nam Á, nơi chuyển đổi này đang diễn ra, tỷ trọng dân số trẻ và trong độ tuổi lao động đang gia tăng nhanh chóng, và hầu hết các nước sẽ có tỷ trọng người phụ

thuộc trẻ và già thấp hoặc giảm dần trong những thập niên tiếp theo. Phần lớn những nước đang ở giai đoạn chuyển đổi đầu tiên là các quốc đảo đang phát triển ở Thái Bình Dương, nơi tăng trưởng dân số nhanh sẽ trì hoãn quá trình chuyển đổi ít nhất trong thời gian trước mắt.

## THAY ĐỔI NHÂN KHẨU HỌC THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Thay đổi nhân khẩu học và phát triển con người liên quan và ảnh hưởng lẫn nhau, nhưng báo cáo này chủ yếu phân tích cách thức thay đổi nhân khẩu học tác động đến phát triển con người (Hình 3). Điều này xảy ra qua nhiều kênh, bắt đầu tăng dân số trong lực lượng lao động. Kênh thứ hai là thu nhập và tiết kiệm tăng lên, kênh thứ ba là năng suất cao hơn. Kênh thứ tư liên quan đến năng lực con người được cải thiện nhờ đầu tư vào giáo dục và y tế. Kênh thứ năm là gia tăng cầu nội địa vì người dân thu nhập và tiêu tiền nhiều hơn, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đô thị hoá là kênh thứ sáu. Khi ngày càng nhiều người đổ về đô thị, họ có thể sử dụng dịch vụ y tế và giáo dục tốt hơn cũng như có nhiều cơ hội việc làm thoả đáng hơn.

Chuyển đổi nhân khẩu học mang lại hai lợi tức tiềm năng – và cả hai xảy ra liền nhau. Lợi tức thứ nhất là khi lực lượng lao động tăng nhanh hơn dân số phụ thuộc. Phương trình này rất đơn giản: nhiều lao động hơn tức là nhiều sản lượng kinh tế hơn, với giả định là không có thất nghiệp hay thiếu dụng lao động trầm trọng. Lợi tức thứ hai xuất hiện khi lượng lao động lớn này cũng năng suất hơn. Điều này xảy ra một phần nhờ đầu tư vào các năng lực con người cho phép người dân kiếm được việc làm có kỹ năng. Dần dần họ sẽ có thu nhập cao hơn, tiết kiệm nhiều hơn và có nhiều tài sản như nhà cửa, đất đai và kinh doanh. Có thể hai lợi tức này có phần chồng lấn nhau và không có cái nào tự động xảy ra, và chuyển đổi nhân khẩu học chỉ có tác dụng mở ra một cánh cửa cơ hội.

**Chuyển cơ hội nhân khẩu học thành lợi tức nhân khẩu học đòi hỏi chính sách mang tính chiến lược, tầm nhìn dài hạn và quản trị tốt**

Tuy chuyển đổi nhân khẩu học có thể xảy ra ở mọi quốc gia nhưng tăng tốc chuyển đổi và phát huy đầy đủ lợi tức tiềm năng phụ thuộc chủ yếu vào lựa chọn chính sách trong quá trình này. Nếu không đưa ra được các lựa chọn này, hoặc có những quyết sách tồi, thì cơ hội thúc đẩy phát triển con người mang tính lịch sử này sẽ vượt đi mất. Về khía cạnh, việc chuyển đổi cơ hội nhân khẩu học thành lợi tức nhân khẩu học cần đến các chính sách chiến lược và quản trị tốt. Cơ cấu đầu tư công cần đáp ứng thay đổi nhân khẩu học. Ví dụ, những nước có dân số trẻ phải đầu tư nhiều hơn vào trường học. Những nước có dân số trong độ tuổi lao động cao cần tạo nhiều việc làm thoả đáng. Và những nơi có dân số già cần thiết lập hệ thống lương hưu phù hợp.

## GIỮA GIAI ĐOẠN CHUYỂN ĐỔI: TẬN DỤNG TỐI ĐA CÁC CƠ HỘI NHÂN KHẨU HỌC

Nhiều nước Châu Á-Thái Bình Dương hiện đang ở thời điểm tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động tăng mạnh, tức là chỉ còn vài thập niên gặt hái lợi tức nhân khẩu học. Khung thời gian này phần lớn trùng với các MTPTBV, cho thấy các quốc gia ở giai đoạn này có vị thế phù hợp giúp hoàn thành các mục tiêu đó, và rằng nỗ lực hoàn thành sẽ nhận thêm lợi tức nhân khẩu học.

**Các nước có lực lượng lao động đang tăng có thể thúc đẩy phát triển con người bằng cách tạo thêm việc làm tốt hơn và nhiều hơn**

Tuy vậy, cần phải hành động ngay để nắm bắt cơ hội nhân khẩu học. Cả Nam Á và Đông Nam Á sẽ tiếp tục gia tăng dân số ở độ tuổi lao động trong quãng thời gian từ 2015 đến 2030, và sau đó mức tăng này sẽ giảm dần. Gia tăng dân số lao động sẽ chỉ còn tiếp tục ở châu Đại dương nhưng với tốc độ thấp hơn. Nhìn chung toàn khu vực, dân số trong độ tuổi lao động sẽ tuang

thêm 10% từ 2015-2030, nhưng từ 2030-2050 sẽ chỉ tăng 0,4%.

Khi lực lượng lao động mở rộng, các quốc gia sẽ cần cung cấp đủ việc làm thoả đáng, kích thích và quản lý kinh tế sao cho tăng trưởng đến với tất cả mọi người và phù hợp với phát triển con người, mở rộng phạm vi tiết kiệm, và nhìn chung bảo đảm mọi người có năng lực, cơ hội và tự do để tiến lên trong cuộc sống của mình.

Các hành động chính nhằm tận dụng cơ hội nhân khẩu học có thể bao gồm:

## **TẠO RA VIỆC LÀM VÀ SINH KẾ TỐT HƠN, NHIỀU HƠN**

Tỷ trọng người lao động nhưng thu nhập dưới ngưỡng nghèo quốc tế vẫn còn cao ở Châu Á-Thái Bình Dương, và nếu những trở ngại việc làm hiện nay vẫn tiếp tục, số lượng này có thể còn gia tăng nữa khi ngày càng nhiều người bắt đầu đi làm. Chẳng hạn đến năm 2050, chỉ riêng Ấn Độ sẽ có hơn 280 triệu người gia nhập thị trường lao động – tương đương với mức tăng một phần ba so với hiện nay; tuy thế, từ 1991 đến 2013, kinh tế chỉ hấp thu được gần một nửa số người mới gia nhập thị trường lao động.

Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp trên toàn khu vực tương đối thấp vào khoảng 4% nhưng thiếu dụng lao động khá phổ biến ở nhiều nơi. Rất nhiều người đang phải cóp nhặt từ công việc đồng áng không sinh lời sau từ những việc phi chính thức thu nhập thấp trong khi chất lượng việc làm là yếu tố căn bản của lợi tức nhân khẩu học. Tuy năng suất lao động liên tục gia tăng cùng với cải thiện về giáo dục và đầu tư cho công nghệ nhưng thị trường lao động vẫn chưa mạnh, khiến nhiều người phải di cư tìm việc nơi khác, gây áp lực lên lợi tức thu về.

Đã đến lúc coi việc tạo công ăn việc làm là trọng tâm của các chiến lược phát triển quốc gia, trong đó nhấn mạnh vào bảo vệ quyền người lao động. Có thể bắt đầu bằng cách biện pháp chính sách mới nhằm khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn đang gặp nhiều hạn chế mặc dù khu vực này tạo ra hai phần ba việc làm hiện tại. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ các hoạt động năng suất thấp sang năng suất cao mở ra nhiều cơ hội mới để người dân tìm việc tốt hơn, và để chuẩn bị cho thời điểm số người làm việc ít đi nhưng sẽ phải sản xuất nhiều hơn để duy trì thành quả phát triển cho dân số già hoá.

## **ĐẠT SỰ THAM GIA BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ**

Một nhân tố đang hạn chế khả năng hiện thực hoá lợi tức nhân khẩu học cũng như thúc đẩy phát triển con người của Châu Á-Thái Bình Dương là tỷ lệ tham gia của lao động nữ còn thấp. Ở hơn hai phần ba 30 nước Châu Á-Thái Bình Dương có ghi nhận số liệu liên quan, chỉ có chưa đến 60% nữ trong độ tuổi lao động làm việc. Nhiều phụ nữ dành rất nhiều thời gian cho việc chăm sóc gia đình nên bỏ đi cơ hội tạo thu nhập. Các nước Đông Á hưởng lợi từ thay đổi nhân khẩu học trong ba, bốn thập niên qua là một phần nhờ tỷ lệ tham gia lực lượng lao động nữ cao.

Các chính sách nhằm đưa nhiều phụ nữ hơn vào lực lượng lao động sẽ góp phần vô cùng quan trọng vào việc mang lại lợi tức nhân khẩu học. Những chính sách đó cần bảo đảm tiền lương và quyền công bằng đối với phụ nữ, đảm bảo an toàn và an ninh nơi làm việc cũng như nơi công cộng, chế độ nghỉ vì chăm sóc con cái hợp lý, và dịch vụ trông trẻ đáng tin cậy, tiết kiệm chi phí, v.v... Chẳng hạn Malaysia đang chủ động lôi kéo khu vực tư nhân nhằm đưa nhiều phụ nữ có học trở lại thị trường lao động bằng các trợ cấp và ưu đãi giúp việc trông trẻ dễ dàng, thuận lợi hơn.

Tinh thần kinh doanh của phụ nữ - một lĩnh vực không được khai phá mấy ở nhiều nước – có tiềm năng vô cùng to lớn. Các quy định về thiết lập kinh doanh, tiếp cận tín dụng và tham gia vào thương mại cần phải giúp giảm rào cản về giới và cải thiện sự tham gia của phụ nữ. Phụ nữ cũng cần tham gia đầy đủ vào quyết sách chính trị và kinh tế đúng như quyền của họ, và bởi vì nếu không thì sẽ khó có được các chính sách và kế hoạch hỗ trợ đầy đủ năng lực và đóng góp của họ cho phát triển. Các quốc gia cần cải cách luật mang tính phân biệt đối xử, ví dụ như luật yêu cầu phụ nữ nghỉ hưu sớm hơn đàn ông, và phải gỡ bỏ những tập quán xã hội dung thứ cho bạo lực giới kể cả khi đã coi bạo lực giới là vi phạm pháp luật.

## CHUYỂN NHIỀU TIẾT KIỆM HƠN VÀO CÁC ĐẦU TƯ NĂNG SUẤT

Gần một nửa lợi tức nhân khẩu học đã có được ở Đông Á là nhờ tích lũy tiết kiệm và vốn đi kèm với gia tăng tỷ trọng số dân trong độ tuổi lao động. Khi nhiều người làm việc hơn và quy mô gia đình nhỏ đi, và họ biết rằng mình sẽ sống lâu hơn sau khi về hưu, họ có khuynh hướng tiết kiệm hơn. Chuyển đổi nhân khẩu học cũng có thể cho phép các chính phủ tiết kiệm thông qua giảm chi tiêu vào những dịch vụ xã hội quan trọng hơn khi dân số rất già hoặc rất trẻ. Có thể tích lũy tiết kiệm bằng nhiều cách nhằm góp phần vào phát triển con người và lợi tức nhân khẩu học, ví dụ như cở sở hạ tầng để cải thiện năng suất.

Cả khu vực cần mở rộng các công cụ tài chính cho đầu tư vào tiết kiệm; hiện nay phần lớn khoản này được chuyển ra nước ngoài và càng khoét sâu khoảng cách trong các lựa chọn nội địa. Một giải pháp quan trọng là xây dựng thị trường trái phiếu có giá trị quan trọng với doanh nghiệp lẫn các thành phố đang muốn theo kịp đô thị hoá nhanh và đáp ứng mở rộng cơ sở hạ tầng lẫn dịch vụ. Ngân hàng và các dịch vụ tài chính cơ bản khác cần đến với nhiều người và nhiều doanh nghiệp nhỏ hơn hiện đang không có, và quá trình này có thể song hành với các nỗ lực giáo dục và xoá mù tài chính.

**Giúp nhiều phụ nữ hơn tham gia việc làm được trả công và kinh doanh sẽ tăng lợi tức nhân khẩu học**

## ĐẦU GIAI ĐOẠN CHUYỂN ĐỔI: KHAI PHÁ TIỀM NĂNG CỦA THỂ HỆ TIẾP THEO

Một trong những thách thức lớn nhất mà Châu Á-Thái Bình Dương hiện phải đối mặt là làm thế nào có thể nhân rộng và cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và cơ hội việc làm cho 1,7 tỷ người dưới 25 tuổi, nhưng như làm thế nào giúp họ có khả năng ra quyết định. Về mặt nào đó, trẻ em và người trẻ là xuất phát điểm của chuyển đổi nhân khẩu học, bởi vì tỷ lệ sống sót của trẻ em cao hơn sẽ giúp giảm tỷ lệ sinh, và tỷ lệ sinh giảm sẽ giúp tăng tỷ trọng của số người trong độ tuổi lao động.

Tuy đôi lúc các nhà hoạt động chính sách coi người trẻ như nhóm “rắc rối” nhưng đây chính là thế hệ các công nhân, nhà khoa học, sáng tạo, doanh nghiệp, nhà tư tưởng và lãnh đạo chính trị tương lai. Trong Chương trình Nghị sự 2030, cộng đồng quốc tế cam kết tạo môi trường thuận lợi cho trẻ em và thanh niên để họ thực hiện đầy đủ quyền và năng lực của mình. Với cơ hội tạo dựng cuộc sống, họ có thể mang lại những thành quả phát triển con người to lớn và thúc đẩy lợi tức nhân khẩu học.

Các hành động chính nhằm khai phá tiềm năng của thế hệ tiếp theo có thể bao gồm:

## ĐẦU TƯ VÀO NĂNG LỰC CƠ BẢN: GIÁO DỤC VÀ Y TẾ PHỔ CẬP, CHẤT LƯỢNG CAO

Sức khoẻ và giáo dục là quyền con người và là trụ cột của phát triển con người, và các nước trong khu vực đã đạt nhiều tiến bộ trên cả hai mặt. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khoảng cách lớn về diện bao phủ, phạm vi và chất lượng dịch vụ. Để khép dần khoảng cách, đầu tư công vào giáo dục phải đạt chuẩn quốc tế; các hệ thống y tế cần nhắm đến mục tiêu bao phủ toàn diện như Chương trình Nghị sự 2030 để ra.

Những lĩnh vực cần quan tâm hơn bao gồm san bằng khác biệt về giới, khuyết tật và vị trí địa lý. Những tiến bộ mạnh ở giáo dục tiểu học phải tương đương với [tiến bộ] ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông. Cần mở rộng các chương trình phát triển tuổi mầm non vì chúng có thể cải thiện đáng kể cơ hội thành công sau này cho các em. Các quốc gia cần chú trọng chất lượng hơn nữa; có thể học từ thành công của Hong Kong, Trung Quốc (Đặc khu Hành chính); Nhật Bản; Hàn Quốc; Singapore và Tỉnh Đài Loan của Trung Quốc. Đây là những nơi đứng đầu thế giới theo xếp hạng của Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế (OECD).

Về y tế, cần ưu tiên giảm tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ em, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng vẫn còn khá cao ở một số nơi, và bảo đảm thanh thiếu niên có thể tiếp cận toàn bộ các dịch vụ y tế tình dục và sinh sản.

**Đầu tư vào giáo dục và kỹ năng cho thanh niên là chìa khoá phát triển con người và để chuẩn bị cho một lực lượng lao động năng suất cao trong tương lai**

Những nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Thái Lan đã phổ cập y tế và có những kết quả y tế đáng ngưỡng mộ, trong đó một vài trường hợp thậm chí chỉ có nguồn lực tài chính hạn hẹp. Một số quốc đảo Thái Bình dương cũng là những tấm gương tuyệt vời về hệ thống do nhà nước tài trợ. Chi phí y tế tự chi trả ở Kiribati, Samoa, Quốc đảo Solomon và Tuvalu chỉ ở mức dưới 10% tổng chi tiêu y tế nên mọi công dân đều có thể được khám chữa bệnh.

## **CHUYỂN ĐỔI SUỒN SẼ TỪ LÚC ĐI HỌC ĐẾN LÚC ĐI LÀM**

Nhiều người trẻ tuổi ở Châu Á-Thái Bình Dương gặp giai đoạn chuyển đổi gặp ghênh khi trưởng thành, lại thêm quá trình đi tìm một vị trí công việc không hề tồn tại hoặc nếu có thì họ cũng không được trả công xứng đáng. Một tỷ lệ đáng kinh ngạc là một phần ba thanh niên, tức khoảng 220 triệu người, không đi học cũng chẳng đi làm. Vô phương ướng, không thể tự làm chủ cuộc sống trưởng thành, họ trở nên cáu bẳn và năng lượng cũng như sự nhiệt tình của họ trở nên thui chột. Kỳ vọng không được đáp ứng của thanh niên có thể làm suy yếu cấu kết và ổn định xã hội.

Sự chuyển đổi suôn sẻ hơn từ nhà trường sang nơi làm việc phụ thuộc vào việc giảm nhiều rào cản đối với lúc bắt đầu đi làm. Các quốc gia cần bảo đảm rằng hệ thống giáo dục của họ chuẩn bị cho thanh niên những kỹ năng mà thị trường lao động đòi hỏi. Trong nhiều trường hợp, cần mở rộng và cải thiện chất lượng giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề dựa vào các mô hình đã được chứng minh như ở Đức.

Có thể tạo thêm nhiều cơ hội thực tập hoặc học nghề cho thanh niên, và người sử dụng lao động phải được khuyến khích thuê nhiều thanh niên hơn. Các trung tâm tư vấn nghề dành riêng cho thanh niên có thể trợ giúp tìm việc cũng như đào tạo và chỉ dẫn thêm. Các biện pháp khác nhằm khuyến khích doanh nhân trẻ theo đuổi sáng tạo và khởi nghiệp bao gồm cải thiện tiếp cận tài chính, hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến quản lý doanh nghiệp, tư vấn pháp lý, v.v... Hàn Quốc là ví dụ điển hình về giảm rào cản tham gia thị trường; chương trình “Sáng kiến Thanh niên” của họ cấp quỹ khởi nghiệp và đào tạo kinh doanh.

## **KHUYẾN KHÍCH SỰ THAM GIA CỦA THANH NIÊN**

Sự tham gia của thanh niên vào các tiến trình dân chủ sẽ đảm bảo quyền của họ và mở ra nhiều cơ hội phát triển hiệu quả. Vì nhiều nền kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương đang tăng trưởng nhanh, họ cần có lãnh đạo đổi mới và năng động, trong đó có thanh niên. Người trẻ có thể đóng góp cái nhìn mới và đi đầu tìm ra giải pháp trong các đối thoại chính sách, hoặc có thể làm đại diện ở các đơn vị ra quyết định ở cấp quốc gia hoặc địa phương. Ngày càng có nhiều thanh niên có hiểu biết hơn trước và thiết tha sử dụng công nghệ mới để thiết kế giải pháp sáng tạo, như qua các diễn đàn truyền thông xã hội hoặc “giao việc cho đám đông” (*crowdsourcing*). Họ đã chủ động tham gia vào các thảo luận xung quanh Chương trình Nghị sự 2030 và hiện đang sẵn sàng hỗ trợ quá trình thực hiện Chương trình.

Tình nguyện và tham gia dân sự có thể mang lại những đóng góp to lớn cho các cộng đồng địa phương. Giáo dục công dân là một ưu tiên nữa vì nó khuấy động các giá trị chung cũng như ý thức về quyền và nghĩa vụ xã hội, dân sự. Chương trình nổi tiếng của Philippines “Kiểm tra Trường em” (*Check My School*) huy động tình nguyện viên thanh niên giám sát các nguồn lực giáo dục ở trường học địa phương nhằm bảo đảm tính giải trình và đáp ứng nhu cầu cộng đồng. Chương trình thành công như vậy một phần nhờ vào đối tác tin cậy giữa thanh niên và chính quyền địa phương, cũng như nhờ chú trọng tính minh bạch và công khai thông tin.

## Ở CUỐI GIAI ĐOẠN CHUYỂN ĐỔI: DUY TRÌ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VỚI TUỔI THỌ DÀI HƠN

Năm 2005, lần đầu tiên trong lịch sử, số người trên 60 tuổi ở Châu Á-Thái Bình Dương nhiều hơn số trẻ dưới 5 tuổi. Đến năm 2050, khu vực này sẽ là nhà của 1,2 tỷ người già, và một nửa dân số sẽ hơn 50 tuổi. Khởi điểm của sự già hoá nhanh là dấu hiệu cảnh báo sớm và là lời kêu gọi hành động khẩn cấp.

Quản lý già hoá là tiến trình phức tạp và năng động với nhiều thách thức và cơ hội. Cho đến nay, các chính phủ ở Châu Á-Thái Bình Dương chủ yếu tập trung vào các can thiệp dành cho nhóm trong độ tuổi lao động và trẻ hơn. Tuy nhiên, với xu hướng nhân khẩu học sắp tới, để tiếp tục đạt tiến bộ về phát triển con người và duy trì thành quả từ chuyển đổi nhân khẩu học sẽ phụ thuộc vào việc lồng ghép các vấn đề già hoá trong quá trình lập kế hoạch phát triển quốc gia và công nhận rằng già hoá ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống.

Mặc dù chúng ta thường e ngại vấn đề già hoá nhưng nếu chuẩn bị và lập kế hoạch đúng thì có thể tạo cho các cá nhân và xã hội thêm một nguồn làm giàu cho các cá nhân và xã hội. Ở một số nước như Nhật Bản, New Zealand và Thái Lan, cam kết chính trị cấp cao, chẳng hạn như bằng các vị trí chuyên trách cấp bộ trưởng và cơ quan xuyên bộ phụ trách vấn đề dân số già hoá, đã mang lại nhiều cách thức xử lý tích cực.

**Nếu chuẩn bị tốt, việc già hoá dân số có thể là nguồn làm giàu cho cá nhân và xã hội**

Những hành động chính nhằm quản lý già hoá để phục vụ phát triển con người có thể bao gồm:

### ĐIỀU CHỈNH HỆ THỐNG LƯƠNG HƯU QUỐC GIA ĐỂ ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG, HỢP LÝ VÀ BỀN VỮNG

Ở nhiều nước, tỷ lệ nghèo trong người già khá cao và đây chính là lý do quan trọng đằng sau các kế hoạch lương hưu. Khi cơ cấu gia đình truyền thống bắt đầu thay đổi, ngày càng có nhiều người già sống một mình và phải phụ thuộc vào nguồn thu nhập của chính họ. Tuy mức bao phủ lương hưu có tăng lên nhưng mới có gần một nửa người dân ở Châu Á-Thái Bình Dương tiếp cận được lương hưu, và kể cả những người có thể nhận lương hưu cũng không đủ sức chi trả chi phí sinh hoạt cơ bản. Xét về chi tiêu lương hưu công, khu vực này chi ít hơn mức bình quân toàn cầu, và tệ hơn cả châu Phi vì Châu Á-Thái Bình Dương có lượng người già cao.

Các hệ thống lương hưu cần được cải thiện, và trong nhiều trường hợp cần cải thiện nhanh. Có thể sẽ cần phải lựa chọn sao cho cân bằng các ưu tiên từ tất cả mọi thế hệ và xây dựng đồng thuận xã hội về cách thức chia sẻ nguồn lực hạn chế. Cần phải chú ý đến việc thiết kế phù hợp và các cơ chế thể chế hợp lý nhằm kiểm chế chi tiêu; đồng thời có thể xem xét những biện pháp hỗ trợ như nâng độ tuổi nghỉ hưu.

Nhìn chung, các hệ thống lương hưu cần được xây dựng theo hướng lũy tiến sao cho lợi ích lương hưu được chia sẻ một cách công bằng và những ai có khả năng đóng góp nhiều hơn có thể đóng góp nhiều hơn. Có thể thiết lập sàn lợi ích căn bản một cách công bằng dành cho tất cả những ai nhận lương hưu, đồng thời tránh rơi vào bẫy từ việc đặt ra các mức lợi ích quá hào phóng vì như vậy sẽ không khuyến khích lao động. Khu vực này sẽ cần tập trung vào việc phủ rộng, tính hợp lý của các lợi ích và tính bền vững. Các nước Australia, Chile và Đan Mạch đang cân nhắc sử dụng mô hình tăng liên kế giữa lương hưu công cộng và tư nhân để bảo đảm phủ sóng an sinh xã hội cơ bản và tạo điều kiện hình thành các lựa chọn đầu tư dài hạn cho từng mức thu nhập khác nhau.

### CẢI THIỆN HỆ THỐNG CHĂM SÓC Y TẾ CHO NGƯỜI GIÀ



Già hoá nhanh đang thay đổi nhu cầu chăm sóc sức khoẻ, đòi hỏi phải có các chuyển đổi tương xứng trong hệ thống y tế. Sự gia tăng các bệnh không lây nhiễm hiện nay càng đề cao vai trò của y tế dự phòng, bao gồm chế độ ăn uống và tập luyện lành mạnh nhằm giảm thiểu các bệnh già thường gặp như đái đường và bệnh tim. Cần có cam kết mạnh hơn để hỗ trợ phòng bệnh, chẩn đoán, quản lý và chăm sóc thích hợp các bệnh không lây nhiễm trong suốt vòng đời.

**Quy hoạch sớm y tế  
và lương hưu cho  
người cao tuổi sẽ  
giúp quá trình  
chuyển đổi sang già  
hoá diễn ra suôn sẻ**

Đặc thù của người già là cần chăm sóc sức khoẻ nhiều hơn nhưng không phải người già nào cũng đủ sức chi trả cho việc đó, nhất là những ai thuộc hộ thu nhập thấp hơn hay sống độc lập. Ở nhiều nước, chi trả y tế cho người già cao gấp ba đến bốn lần so với số dân ở độ tuổi lao động. Y tế phổ cập – một trong những đóng góp quan trọng nhất cho phát triển con người – cần giải quyết các vấn đề và cần phải trở thành một tiêu chí ở mọi quốc gia. Cần phải chú trọng rõ ràng đến việc gỡ bỏ rào cản đối với tiếp cận đối với người già.

Ngoài ra cũng cần mở rộng các cơ sở chăm sóc dài hạn. Khi tỷ trọng người già đơn thân gia tăng, họ sẽ cần nhiều những cơ sở như các viện dưỡng lão hay cộng đồng người cao tuổi. Nhu cầu đối với y tá và người chăm sóc sức khoẻ tại nhà ngày càng cao nhưng phần lớn các nước trong khu vực vẫn chưa có đội ngũ này. Cần phải đầu tư vào y tế lồng ghép, lấy con người làm trung tâm và điều chỉnh phù hợp theo từng cá nhân. Các ưu tiên khác bao gồm tăng chăm sóc phục hồi, chăm sóc người khuyết tật và dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tâm thần chuyên biệt cho người già. Các cơ sở y tế, nhất là ở nông thôn, cần dễ dàng sử dụng và tiếp cận hơn đối với người già.

## **HỖ TRỢ GIÀ HOÁ CHỦ ĐỘNG**

Người già cần tương tác với bạn bè, gia đình và cộng đồng để duy trì sức khoẻ. Khi dân số khu vực già hoá và nhiều người lớn tuổi bắt đầu sống một mình, cộng đồng người cao tuổi sẽ bắt đầu nhiều lên, khiến vấn đề tiếp cận càng quan trọng hơn. Một môi trường sống và làm việc thân thiện với người già sẽ giúp họ đi lại dễ dàng hơn, giảm rủi ro thương tật cho họ, tăng cường khả năng tự chăm sóc bản thân và tiếp cận dịch vụ cũng như thúc đẩy sự tham gia của họ vào các hoạt động kinh tế và xã hội. Những nước như Trung Quốc, Indonesia, Philippines và Việt Nam đã áp dụng nhiều chương trình và chính sách mới nhằm tạo thêm cơ hội việc làm cho người già.

Trong số nhiều lựa chọn khác nhau, các biện pháp ưu tiên gồm có nơi ở tạo thuận lợi cho những người có khả năng di chuyển và sức khoẻ hạn chế; nhiều dịch vụ chăm sóc tại gia dành cho người già; giao thông thân thiện, giá cả hợp lý và dễ sử dụng cho người già; lối đi lại thường xuyên được tu sửa và không có chướng ngại vật; tín hiệu giao thông giúp người già có đủ thời gian để qua đường an toàn; nơi nghỉ ngoài trời và các toà nhà công cộng mà người bị hạn chế khả năng di chuyển dễ dàng tiếp cận. Những biện pháp khác để già hoá chủ động là cơ hội tham gia các hoạt động tình nguyện và dịch vụ cộng đồng, và tham gia xây dựng các lựa chọn chính sách công. Một số nước như Trung Quốc và Malaysia đã dành riêng một số ghế trong các cơ quan tư vấn để người già đóng vai trò quan trọng trong việc ra quyết định.

Người già nào cũng có quyền được chọn tiếp tục làm việc, nhưng người già ở Châu Á-Thái Bình Dương ngừng làm việc với tỷ lệ cao hơn lý tưởng, kể cả khi so với các khu vực đang phát triển khác. Cần phải xử lý những rào cản thể chế, pháp lý, xã hội và kỹ thuật, chẳng hạn như khiến môi trường làm việc bao trùm hơn bằng cách thiết kế các điều kiện y tế và cơ sở vật chất phù hợp hơn với người già. Doanh nghiệp cần được khuyến khích giữ lao động lớn tuổi lại thông qua các điều kiện việc làm linh hoạt. Các chương trình tái đào tạo nghề và nâng cao giáo dục nói chung có thể giúp đàn ông và phụ nữ lớn tuổi làm công việc mới và ứng phó với thay đổi công nghệ.

## **THAY ĐỔI QUAN NIỆM TIÊU CỰC VỀ GIÀ HOÁ**

Đàn ông và phụ nữ lớn tuổi có quyền như tất cả mọi người khác. Thế nhưng thái độ tiêu cực đối với tuổi già và người già đã ăn sâu ở nhiều xã hội. Không như những hình thức định kiến và hành vi phân biệt đối xử khác, thái độ này hiếm khi được thừa nhận hay bị thách thức. Chúng giảm nhiều đóng góp quan trọng

của người già cho xã hội thông qua làm việc, bầu cử, nộp thuế, làm tình nguyện và đóng vai trò quan trọng trong gia đình như chăm sóc trẻ em.

Các chiến dịch nhận thức công cộng có thể chống lại những quan niệm phân biệt đối xử với người già. Pháp luật chống phân biệt đối xử cần thể hiện rõ ràng việc bảo vệ họ khỏi làm dưng và mất quyền, và cần công nhận những xen kẽ tiềm năng với các hình thức phân biệt đối xử khác liên quan đến giới, nguồn gốc dân tộc, khuyết tật, thu nhập, giới tính, tình trạng HIV hay trình độ đọc viết. Các nước châu Á-Thái Bình Dương có thể học từ các chương trình và chính sách của Liên minh châu Âu trong việc bảo vệ lợi ích và quyền của số dân già như Chỉ thị Khuôn khổ EU, trong đó luật định cấm phân biệt đối xử về tuổi trong việc làm.

## THỰC HIỆN HỨA HẸN TỪ ĐÔ THỊ HOÁ

Đô thị hoá nhanh đang chuyển đổi Châu Á-Thái Bình Dương. Mê hoặc bởi hứa hẹn việc làm tốt hơn và thu nhập cao hơn cũng như bởi giáo dục và y tế chất lượng cao, người dân trên toàn khu vực đang dịch chuyển từ nông thôn đến cuộc sống mới ở thành thị. Ở Châu Á-Thái Bình Dương, 47% người dân sống ở đô thị; và tỷ lệ này sẽ tăng lên khoảng 62% vào năm 2050.

Xuyên suốt lịch sử, thành phố - trung tâm của học tập, văn hoá, nghệ thuật, đổi mới và năng suất, đã tăng tốc phát triển con người. Đô thị hoá cũng góp phần tạo chuyển đổi nhân khẩu học. Tuy vậy, giữa lúc tăng trưởng bùng nổ, áp lực dồn lên việc cung cấp đủ việc làm tử tế, nhà ở giá cả hợp lý và dịch vụ chất lượng cao.

Cộng đồng quốc tế luôn công nhận tính trung tâm của đô thị trong phát triển. Ví dụ, Hội nghị Thượng đỉnh Rio+20 năm 2012 nêu rõ "...nếu được quy hoạch và phát triển tốt thông qua cách tiếp cận quy hoạch và quản lý lồng ghép thì thành phố có thể thúc đẩy các xã hội bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường." Chương trình Nghị sự 2030 cũng nhấn mạnh việc xây dựng các thành phố và cộng đồng bền vững qua Mục tiêu Phát triển Bền vững thứ 11.

**Các đô thị được  
phát triển tốt có thể  
làm xương sống cho  
các xã hội bền vững**

Các hành động chính nhằm thực hiện hứa hẹn từ đô thị hoá có thể bao gồm:

## QUẢN LÝ THÀNH PHỐ HIỆU QUẢ HƠN

Nhiều thành phố Châu Á-Thái Bình Dương thiếu vắng các thể chế, chính sách và nguồn lực cần có để theo kịp dân số gia tăng. Về quản trị, đây là những thành phố kém nhất trên thế giới. Nếu đô thị hoá không được quản lý tốt và kịp thời, khu vực này sẽ không thể duy trì đà tăng trưởng kinh tế hay phát triển con người và sẽ mất đi một phần lợi tức nhân khẩu học của mình.

Một ưu tiên khẩn cấp là rà soát lại quan hệ liên chính phủ giữa các chính quyền trung ương và địa phương, và hướng đến cách tiếp cận chủ động, từ dưới lên chứ không dừng ở việc thiết kế một cấu trúc hành chính theo địa bàn. Thành công hay không sẽ phụ thuộc chủ yếu vào nền tảng pháp lý quốc gia, các thể chế có năng lực và những công cụ tài chính thích hợp để quản lý việc phi tập trung hoá cũng như điều phối các cấp chính quyền khác nhau. Các thể chế cấp địa phương sẽ cần đến những kỹ năng quản lý và kỹ thuật thiết yếu, khả năng làm việc với công chúng và năng lực tốt nhằm thiết kế, thực thi, giám sát và đánh giá các chính sách công ở địa phương.

Cho dù to nhỏ khác nhau, thành phố nào cũng cần có khu vực hành chính được xác định rõ ràng mà ở đó, thành phố có quyền tự quyết đầy đủ, có một công thức rõ ràng để trao đổi với các chính quyền khác nhau. Khi năng lực hành chính địa phương tốt lên, thành phố thường có thể phát huy nguồn lực địa phương thông qua các biện pháp như đánh thuế và quy hoạch một cách hệ thống hơn đối với đầu tư cơ sở hạ tầng, điều hành và bảo dưỡng. Những thành phố ở giai đoạn phát triển cao hơn có thể khai thác các công cụ tài chính khác nhau như phí đối với người sử dụng, trái phiếu thành phố và quan hệ đối tác công-tư. Thành phố Ahmedabad ở Ấn Độ đã theo đuổi cải cách về huy động nguồn lực địa phương, góp phần giúp thành phố gây nhiều khoản quỹ và chuyển đổi mức xếp hạng tín dụng của mình lên AA.

## BIẾN THÀNH PHỐ CẠNH TRANH VÀ BAO TRÙM HƠN

Thành phố cạnh tranh sẽ thu hút các ngành mới, đầu tư mới và lao động có kỹ năng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năng động. Tính cạnh tranh là do các yếu tố như sau quyết định: cơ sở hạ tầng, các thể chế giáo dục và nghiên cứu cũng như chất lượng hành chính công. Phần lớn những điều đó phụ thuộc vào khả năng dưỡng tạo một lực lượng lao động có năng lực và hấp thu tài năng bằng cách tạo ra việc làm tử tế.

**Những chiến lược giúp đô thị bao trùm hơn và cạnh tranh hơn có thể góp phần nhân lên lợi tức nhân khẩu học**

Một số ít thành phố Châu Á-Thái Bình Dương như Hong Kong, Trung Quốc (ĐKHC) và Singapore đã gạt hái nhiều thành công trong việc thu hút tài năng và đầu tư, và bảo đảm thịnh vượng cũng như dịch vụ công tốt cho công dân của mình. Nhiều thành phố khác đang vật lộn với các thách thức như lượng dân nhập cư ồ ạt. Vẫn còn nhiều việc phải làm để xử lý khoảng cách cơ sở hạ tầng đang trói chân thành phố, như hệ thống điện không đáng tin, đường xá chất lượng thấp, cảng biển không hiệu quả và trường học không phù hợp. Việc phát triển kinh tế và tạo việc làm ở địa phương phải là trọng tâm đối thoại với cộng đồng kinh doanh địa phương cũng như là trọng tâm của tài chính và thể chế giáo dục cả địa phương.

Các đô thị mạnh và năng động nhìn chung cũng là những nơi bao trùm - dành cho tất cả, bởi vì loại trừ bất cứ ai về xã hội hay những mặt khác đều là vật cản to lớn đối với phát triển con người. Cơ sở hạ tầng, dịch vụ và cơ hội có việc làm tử tế cần phải chạm đến mọi cư dân thành phố; và có thể cần có những biện pháp đặc biệt dành cho người nhập cư, thanh niên, người già, phụ nữ và trẻ em gái, và người khuyết tật. Singapore là một ví dụ. Hiện được xếp hạng là thành phố xanh nhất châu Á, có môi trường kinh doanh và sinh sống tốt nhất, Singapore từng là thành phố nơi sông ngòi bị ô nhiễm và thiếu vắng trầm trọng cơ sở hạ tầng cũng như chỗ ở.

Để san bằng khoảng cách rộng giữa công dân và chính quyền ở nhiều thành phố Châu Á-Thái Bình Dương, cần phải tăng cường tính giải trình, tăng minh bạch và độ mở của chính quyền. Sự tham gia của công dân cũng vô cùng quan trọng đối với việc xây dựng đồng thuận và giúp dịch vụ địa phương phục vụ tốt hơn nhu cầu địa phương.

## THEO ĐUỔI CẤU TRÚC TĂNG TRƯỞNG ĐÔ THỊ TẬP TRUNG HƠN, VÍ DỤ: ĐÔ THỊ NÉN

Trong khi thực hiện các hoạt động kinh tế và phát triển con người, thành phố tiêu thụ lượng lớn năng lượng, nước và các nguồn lực khác, đồng thời cũng xả thải nhiều hơn vùng nông thôn. Hơn một nửa thành phố ô nhiễm nhất thế giới là ở Châu Á-Thái Bình Dương. Chi phí thoái hoá môi trường sẽ ngày càng nhiều hơn và khó đảo ngược, nhất là với tốc độ đô thị hoá hiện nay. Bắt đầu hành động ngay từ bây giờ để xây dựng các đô thị bền vững hơn sẽ góp phần tiết kiệm chi phí và phù hợp với cam kết trong Chương trình Nghị sự 2030.

Một biện pháp căn bản là tích tụ đô thị và thúc đẩy các đô thị nén và xanh. Như thế sẽ tránh được tình trạng ngốn ngấu đô thị đang khiến dịch vụ công đắt đỏ hơn và khó cung cấp hơn. Những biện pháp đó có thể giảm mạnh tắc nghẽn giao thông và phát thải khí nhà kính. Hạn chế mở rộng vành đai đô thị là một cách khuyến khích phát triển đô thị dày đặc hơn. Những nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc đã bắt đầu theo đuổi mô hình đô thị nén và thông minh, cũng là nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Chẳng hạn ở Seoul, chính quyền đô thị quy hoạch nâng sử dụng năng lượng tái tạo lên 20% năm 2030 từ mức 1,5% năm 2007, trong đó một nửa là từ năng lượng nước.

## NỘI DUNG TIẾP THEO TRONG BÁO CÁO NÀY

*Báo cáo Phát triển Con người Châu Á-Thái Bình Dương* xem xét những thay đổi nhân khẩu học của khu vực hiện nay và trong tương lai gần, và đánh giá các cách tiếp cận khác nhau đối với việc quản lý chuyển đổi nhằm tăng tốc phát triển con người.

Chương 1 giới thiệu các khái niệm cơ bản về chuyển đổi và lợi tức nhân khẩu học, và đưa ra cái nhìn tổng quan về các thay đổi lớn về nhân khẩu học và phát triển con người ở Châu Á-Thái Bình Dương. Chương 2 xem xét cách thức tối đa hoá lợi tức này ở những nước có tỷ trọng người trong độ tuổi lao động cao, và nhấn mạnh vào việc làm năng suất và tử tế cũng như đầu tư tiết kiệm một cách hiệu quả. Chương 3 đánh giá các đầu tư cần có trong giai đoạn đầu của chuyển đổi, nhất là đầu tư vào trẻ em và thanh niên để các em được khoẻ mạnh, giáo dục tốt và sẵn sàng bước vào đời sống của người trưởng thành. Chương 4 nói về vấn đề già hoá, xem xét các thách thức từ già hoá và khám phá những đóng góp của người cao tuổi cho xã hội và kinh tế. Trong Chương 5, đô thị hoá sẽ được phân tích là hiện tượng khởi động và tăng tốc chuyển đổi nhân khẩu học cùng với lợi tức dân số đi kèm để cải thiện phát triển con người nếu được quản lý tốt. Chương 6 nêu rõ các lựa chọn chính sách then chốt từ những chương trước đó.

Con người là tài sản thực sự của quốc gia, và sự an sinh của họ là mục đích chính của báo cáo này. Phần lớn Châu Á-Thái Bình Dương đã đạt đến thời điểm trong lịch sử khi chỉ có thể gạt hái lợi tức dân số trong một vài thập niên ngắn ngủi nữa. Cơ hội như vậy khó lặp lại lần nữa. Chuyển đổi nhân khẩu học dựa vào tiến bộ trong năng lực con người, cơ hội và tự do dành cho tất cả và mở cho tất cả sẽ mang lại bước tiến nhảy vọt đáng kể. Nó sẽ mang lại lợi tức lớn về phát triển con người bây giờ và cho nhiều thế hệ tiếp nối.

## Hướng dẫn dành cho người đọc

### PHÂN NHÓM QUỐC GIA

Trong báo cáo này, các nước Châu Á-Thái Bình Dương là những nước dựa trên phân loại khu vực của UNDP. Gồm cả các nước và vùng phát triển và đang phát triển, khu vực này được chia thành bốn nhóm tiểu vùng: Đông Á, Nam Á, Đông nam Á và châu Đại dương. Các tiểu vùng Trung Á và Tây Á không được đưa vào dữ liệu nhân khẩu học và các dữ liệu khác của Châu Á-Thái Bình Dương.

Khái niệm đất nước hay nền kinh tế dùng trong xuất bản này cũng để chỉ vùng lãnh thổ hoặc vùng đất khi phù hợp. Vì dữ liệu nhân khẩu học và các loại khác cho Trung Quốc không bao gồm Hong Kong Trung Quốc (Đặc khu Hành chính); Macau Trung Quốc (Đặc khu Hành chính của Trung Quốc); và Tỉnh Đài Loan của Trung Quốc, nên vì mục đích thống kê, các vùng hoặc lãnh thổ này được biểu thị trong báo cáo này là Hong Kong, Trung Quốc (ĐKHC); Macau, Trung Quốc (ĐKHC); và Tỉnh Đài Loan của Trung Quốc. Cách gọi tên và thể hiện chất liệu trong báo cáo này không ám chỉ thể hiện bất cứ quan điểm nào từ phía Liên hợp quốc hay UNDP về quy chế pháp lý hay quy chế Quốc gia Thành viên LHQ của bất cứ vùng lãnh thổ, thành phố hay vùng nào.

Việc mô tả các quốc gia và vùng là “phát triển” và “đang phát triển” để tạo thuận lợi cho mục đích thống kê và không nhất thiết thể hiện đánh giá về giai đoạn phát triển của một quốc gia hay vùng cụ thể. Các nước phát triển hay công nghiệp hoá thường để chỉ thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế.

Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương gồm 42 nước và 3 vùng, bao gồm:

#### **Đông Á (5 nước và 3 vùng)**

Trung Quốc, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mông Cổ. Thêm Hong Kong, Trung Quốc (ĐKHC); Macau, Trung Quốc (ĐKHC); Tỉnh Đài Loan của Trung Quốc.

#### **Nam Á hay Tây Nam Á (9 nước)**

Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, India, (Cộng hoà Hồi giáo) Iran, Maldives, Nepal, Pakistan, Sri Lanka.

## **Đông Nam Á (11 nước)**

Brunei Darussalam, Campuchia, Indonesia, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan, Đông Timor, Việt Nam.

## **Châu Đại dương (17 nước)**

Australia, Quần đảo Cook, Fiji, Kiribati, Quần đảo Marshall, Nhà nước Liên bang Micronesia, Nauru, New Zealand, Niue, Palau, Papua New Guinea, Samoa, Quần đảo Solomon, Tokelau, Tonga, Tuvalu, Vanuatu.

Khi có thể, tất cả 45 nước và vùng được đưa vào bảng biểu dữ liệu để bảo đảm nhất quán; các ghi chú sẽ lưu ý người đọc về hạn chế dữ liệu. Bản thân việc thiếu dữ liệu cũng chính là một phát hiện và trong một số trường hợp cho thấy nhu cầu xây dựng năng lực thống kê.

Báo cáo nhìn chung dùng danh mục phân loại nước ở trên, trừ dữ liệu từ một số nguồn nhất định. Với dữ liệu Ngân hàng Thế giới, phân nhóm tiểu vùng thường tuân theo phân loại của Ngân hàng Thế giới, trong đó gộp Đông Á đang phát triển, Đông Nam Á và châu Đại dương thành Tây Châu Á-Thái Bình Dương. Với dữ liệu từ Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), phân nhóm tiểu vùng tuân thủ phân loại của ILO, tức là gộp Đông Nam Á đang phát triển và châu Đại dương thành Đông nam châu Á-Thái bình dương.

Sau đây là khác biệt giữa cách phân loại của UNDP và Ngân hàng Thế giới:

Đông Á và Thái bình dương (các nước đang phát triển): 23 trong số 24 nước trong hai cách phân loại của UNDP và Ngân hàng Thế giới là giống nhau. UNDP có thêm Nauru còn Ngân hàng Thế giới có thêm Samoa thuộc Mỹ.

Nam Á: Phân loại của Ngân hàng Thế giới gồm tám nước. Phân loại của UNDP gồm tất cả tám nước đó cộng thêm Cộng hoà Hồi giáo Iran. Để làm rõ khác biệt này, một số bảng thống kê dùng tên Nam và Tây Á.

Các thông tin về Mỹ Latin trong văn bản hoặc bảng biểu bao gồm cả các nước Caribe trừ khi có chú thích khác.

Các thông tin về châu Phi hạ Sahara bao gồm Nam Phi trừ khi có chú thích khác.

## **CÁC NGUỒN DỮ LIỆU CHÍNH**

Dữ liệu trong báo cáo này xuất phát từ một số cơ sở dữ liệu chính sau.

Dữ liệu nhân khẩu học

Dữ liệu nhân khẩu học lấy từ các dự báo Triển vọng Dân số Thế giới của Vụ các Vấn đề Kinh tế Xã hội Liên hợp quốc. Dữ liệu mới nhất lấy từ cập nhật năm 2015. Nếu áp dụng cách tính dựa vào sức sinh sản trung bình để dự báo cho giai đoạn sau 2015, tỷ suất sinh sản toàn cầu giảm từ 2,5 trẻ/phụ nữ trong giai đoạn 2010-2015, xuống còn 2,4 trẻ/phụ nữ trong giai đoạn 2025-2030, và chỉ còn 2.0 trẻ/ phụ nữ trong giai đoạn 2095-2100.

Báo cáo dùng năm nhóm tuổi. Trẻ em, thanh niên và người trẻ được định nghĩa số tuổi lần lượt từ 0-14, 15-24, và 0-24. Các nước và tổ chức khác nhau dùng các định nghĩa khác nhau. Vì mục đích so sánh, báo cáo này dùng định nghĩa của LHQ.

Việc phân nhóm người trong độ tuổi lao động cũng khác nhau giữa các nước và khu vực tùy theo độ tuổi tương đối khi gia nhập và rời lực lượng lao động. Nhìn chung báo cáo dùng độ tuổi 15-64. Từ 60 tuổi trở nên được gọi là người lớn tuổi.

## **Dữ liệu về thị trường lao động**

Dữ liệu rộng về thị trường lao động được dùng để tìm hiểu việc làm và nghề nghiệp của người trong độ tuổi lao động ở khu vực. Dữ liệu về việc làm, tham gia lực lượng lao động, phân chia việc làm vào tiền lương theo khu vực lấy từ các dữ liệu Các Chỉ số Cơ bản về Thị trường Lao động của ILO phiên bản thứ 8.

Thiếu việc làm và việc làm khu vực không chính thức có dữ liệu hạn hẹp và được tổng hợp từ các xuất bản khác nhau của ILO.

### **Dữ liệu về giáo dục và y tế**

Dữ liệu về giáo dục chủ yếu có từ cơ sở dữ liệu trực tuyến của Viện Thống kê của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO), có thể truy cập tại [www.uis.unesco.org/DataCentre/](http://www.uis.unesco.org/DataCentre/).

Dữ liệu về y tế lấy từ Tổ chức Y tế Thế giới.

### **Dữ liệu về đô thị hoá**

Dữ liệu về đô thị hoá lấy từ cơ sở dữ liệu Triển vọng Đô thị hoá Thế giới của Vụ các Vấn đề Kinh tế Xã hội Liên hợp quốc. Dữ liệu mới nhất có từ cơ sở dữ liệu 2014, bao gồm dữ liệu về tỷ lệ đô thị hoá; phân phối dân số thành thị-nông thôn; các thành phố cỡ nhỏ, vừa, lớn; và cấu thành tuổi.

### **Dữ liệu về Chỉ số Phát triển Con người và các chỉ số phát triển khác**

Dữ liệu về phát triển con người lấy từ bộ dữ liệu 2014 do Văn phòng Báo cáo Phát triển Con người của UNDP xuất bản cho Báo cáo Phát triển Con người 2015. Các bảng phụ lục bao gồm dữ liệu từ Chỉ số Phát triển Con người, Chỉ số Phát triển Giới, các biện pháp và chỉ số giảm nghèo đa chiều sau khi điều chỉnh thêm bất bình đẳng.

Xuyên suốt báo cáo, nhiều chỉ số phát triển được dùng từ các nguồn khác nhau trong đó có cơ sở dữ liệu Chỉ số Phát triển Thế giới của Ngân hàng Thế giới và cơ sở dữ liệu các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.